

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DH
TỈNH DH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2025

*V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DH, TỈNH DH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn T

2. Bà Đỗ Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh DH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DH, tỉnh DH tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Dừa, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh DH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 95/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp LC, xã DT, huyện DH, tỉnh DH. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Huỳnh N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp LC, xã DT, huyện DH, tỉnh DH. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đinh Văn T, trình bày: Vào năm 2014, anh T và chị Huỳnh N tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DT, huyện DH, tỉnh DH, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 123/2014, ngày 11 tháng 12 năm 2014. Trong quá trình chung sống, anh T và chị N sinh được hai người con chung là Đinh Khả A, sinh ngày 16/3/2015 và Đinh A Vy, sinh ngày 24/10/2021. Hiện cháu A đang sống chung với

chị N và cháu Vy đang sống chung với anh T. Về tài sản chung: Anh T và chị N không có tạo lập tài sản chung. Về nợ chung: Anh T và chị N không vay, mượn tiền, tài sản của bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng nào nên không có nợ chung.

Trong quá trình chung sống anh T và chị N xảy ra nhiều bất đồng trong hôn nhân. Theo anh T, mâu thuẫn phát sinh từ việc chị N không chung sức để chăm lo phát triển kinh tế chung của gia đình mà khi tạo ra thu nhập chị N quản lý riêng. Ngoài ra, trong thời gian anh T nằm viện, thu nhập bấp bênh và kinh tế trở nên khó khăn nên chị N bỏ mặc nên dần tình cảm vợ chồng không còn, anh T và chị N đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả hai đều không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm.

Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị N. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đinh A Vy, sinh ngày 24/10/2021 và đồng ý giao cháu Đinh Khả A, sinh ngày 16/3/2015 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ý kiến trình bày của bị đơn chị Huỳnh N: Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh DH đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập chị N đến Tòa án, Nng chị N không đến Tòa án làm việc, không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh T cũng N không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của chị N. Do đó, Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh DH căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do anh T cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DH phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án N sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị N, xử cho anh T được ly hôn với chị N. Về con chung, giao cháu Đinh A Vy sinh ngày 24/10/2021 cho anh T tiếp tục trực

tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Đình Khả A, sinh ngày 16/3/2015 cho chị N tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Anh T, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Anh T yêu cầu ly hôn với chị Huỳnh N và hiện nay chị Huỳnh N đang cư trú tại ấp LC, xã DT, huyện DH, tỉnh DH nên Tòa án nhân dân huyện DH thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện DH đã triệu tập chị N tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, Nng cả hai lần chị N đều vắng mặt không có lý do và anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị N.

[3] Về hôn nhân: Anh T và chị N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DT, huyện DH, tỉnh DH và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 123/2014, ngày 11 tháng 12 năm 2014 nên hôn nhân giữa anh T và chị N là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Anh T yêu cầu được ly hôn với chị N vì cho rằng trong quá trình sống chung với nhau, chị N không cùng anh chăm lo phát triển kinh tế chung của gia đình. Ngoài ra, trong thời gian anh T nằm viện, thu nhập bấp bênh thì chị N vẫn không biết quan T và chia sẻ. Sau nhiều lần trao đổi Nng không đạt kết quả, mâu thuẫn giữa anh T và chị N ngày càng trở nên trầm trọng hơn, cả hai đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay mà không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm.

Qua nội dung biên bản xác minh tại địa phương vào ngày 26/3/2025, xác định được tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị N thực tế có xảy ra mâu thuẫn, cả hai đã sống ly thân với nhau khoảng 04 năm nay. Anh T và chị N có hai người con chung và cháu Vy đang sống cùng anh T, điều này phù hợp với lời khai của anh T trong quá trình làm việc. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ, xây dựng gia đình phát triển, tiến bộ Nng từ những chứng cứ trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không còn duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị N là có cơ sở. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị N, xử cho anh T được ly hôn với chị N.

[5] Về con chung: Kể từ khi anh T và chị N sống ly thân với nhau, cháu Đinh Khả A đã sống chung với chị N, cháu Đinh A Vy đã sống chung với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Vy và đồng ý giao cháu A cho chị N nuôi dưỡng. Tòa án đã đến địa phương để ghi nhận ý kiến của chị N đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, ghi nhận nguyện vọng của cháu A về việc muốn sống chung với anh T hay chị N. Nhưng cả chị N và cháu A đều không có mặt ở nhà nên Tòa án không làm việc được. Bản thân chị N không có ý kiến tranh chấp về nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đầy đủ đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, học hành, chăm sóc, nuôi dạy các cháu nên cần tiếp tục giao cháu A cho chị N và giao cháu Vy cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T và chị N không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh T, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định anh T và chị N chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N cũng không thể hiện ý kiến có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, anh T phải nộp 300.000 đồng. Anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006596 ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DH, tỉnh DH nên được chuyển thu án phí.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DH, tỉnh DH tại phiên tòa, N đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đinh Văn T đối với chị Huỳnh N. Xử cho anh Đinh Văn T được ly hôn với chị Huỳnh N.

2. Về con chung: Giao cháu Đình Khả A, sinh ngày 16/3/2015 cho chị Huỳnh N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Đình A Vy, sinh ngày 24/10/2021 cho anh Đình Văn T, tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Đình Văn T, chị Huỳnh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đình Văn T và chị Huỳnh N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, anh Đình Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình. Anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006596 ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DH, tỉnh DH được chuyển thu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện DH;
- Chi cục THADS huyện DH;
- UBND xã DT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

Huỳnh Ngọc Nhiều